

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST

Ngày 07-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và bà Phạm Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thới Sương – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K'Dem – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Dor Tung D, sinh ngày 02 tháng 9 năm 1996 tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá (học vấn) 06/12; dân tộc: nộ; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dor Tung V và bà Ka N; vợ Ka H và 01 con sinh năm 2014; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 06-3-2018, có mặt.

Bị hại:

Anh K'Rơ Glay N, sinh ngày 13-01-1997

Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác: Anh Đa Krong B, Nao Ka D, Nguyễn Thị Nhật L, K'G, K'M, K'C là người làm chứng. Anh B, K K'G, K'M, K'C đều có mặt; Anh D và chị L vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 29-11-2017, K'Rơ Glay N, Đa Krong B và Dor Tung D đến dự đám cưới tại nhà ông K'K ở thôn 2, xã T, huyện D, tỉnh Lâm Đồng, khi một số người dự đám cưới lên sân khấu hát, nhảy thì D và N xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Dor Tung D dùng tay phải đâm vào mặt K'Rơ Glay N làm N té từ sân khấu xuống sân. D tiếp tục dùng ghế nhựa có sẵn tại đám cưới đập vào đầu N thì được mọi người can ngăn. N chạy qua nhà bên cạnh lấy một cái xẻng đưa cho B, còn N cầm một cái xà bách làm hung khí đánh nhau với Dor Tung D. D nghe thấy liền chạy về nhà lấy một cái búa bô củi làm hung khí rồi đi ra đường trước nhà ông K'K đánh nhau với K'Rơ Glay N và B. N cầm xà bách bô vào người D, D cầm búa bô củi gạt đỡ. B dùng cái xẻng đập D một phát trúng vào lòng bàn tay, ngón trỏ trái gây thương tích. D dùng búa bô củi bô hai nhát vào người N, N dùng xà bách gạt đỡ được, đến nhát thứ ba thì D bô trúng vào đầu bên trái N gây thương tích.

Tại kết luận giám định thương tích số 13/2018/TgT ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: “Dấu hiệu chính qua giám định: vết thương chằm-thái dương trái 9cm gây lõm sọ máu tụ ngoài màng cứng khuyết sọ kích thước vết thương đỉnh trái dài 1.5cm, vết thương lưng trái dài 3.5cm, vết thương cằm 2cm”; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của K'Rơ Glay N 37%.

Anh Đa Krong B dùng xẻng đập một phát trúng vào lòng bàn tay, ngón trỏ trái gây thương tích cho Dor Tung D, D không yêu cầu bồi thường và từ chối giám định thương tích.

Vật chứng thu giữ:

01 búa bô củi, lưỡi kim loại màu đen dài 101cm, cán bằng kim loại hình trụ dài 94cm, đường kính 32mm, lưỡi búa rộng 7cm, cao 13cm, dày 4cm; 01 xẻng lưỡi kim loại, kích thước 25cm x 29cm, cán gỗ đặc hình trụ, đường kính 3,5cm, dài 105cm; 01 xà bách cán gỗ hình trụ dài 137cm, đường kính 4cm, lưỡi hình thang, đáy lớn 22cm, đáy nhỏ 16cm, cạnh bên 10cm và 17cm; Riêng chiếc ghế mà Dor Tung D dùng để đánh K'Rơ Glay N đã bị thất lạc, không truy tìm được.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại K'Rơ Glay N yêu cầu Dor Tung D bồi thường chi phí điều trị, ngày công lao động, tổn thất về sức khỏe và tinh thần 37.937.000 đồng, đã bồi thường 5.000.000 đồng và nộp tại cơ quan thi hành án huyện Di Linh số tiền 10.000.000 đồng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo Dor Tung D đã cùng gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi xử lý.

Tại bản cáo trạng số 26/CTr-VKS ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố bị cáo Dor Tung D về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh giữ quyền công tố luận tội, có bổ sung và tranh luận:

- Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xét xử bị cáo Dor Tung D từ 05 đến 06 năm tù;

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tang vật tiêu hủy;

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại, bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 32.937.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam bị cáo biết ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét để xét xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình. Tại phiên tòa bị cáo xin lỗi bị hại về hành vi của mình gây ra đối với bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Di Linh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Dor Tung D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội: Vào khoảng 13 giờ ngày 29-11-2017 Dor Tung D dùng tay phải đâm vào mặt K'Rơ Glay N làm N té từ sân khấu xuống sân. D tiếp tục dùng ghế nhựa có sẵn tại đám cưới đập vào đầu N thì được mọi người can ngăn. N chạy qua nhà bên cạnh lấy một cái xẻng đưa cho B, còn N cầm một cái xà bách làm hung khí đánh nhau với Dor Tung D. D nghe thấy liền chạy về nhà lấy một cái búa bỏ củi làm hung khí rồi đi ra đường trước nhà ông K'K đánh nhau với K'Rơ Glay N và B. N cầm xà bách bổ vào người D, D cầm búa bỏ củi gạt đỡ. B dùng cái xẻng đập D một phát trúng vào lòng bàn tay, ngón trỏ trái gây thương tích. D dùng búa bỏ củi bổ hai nhát vào người N, N dùng xà bách gạt đỡ được, đến nhát thứ ba thì D bổ trúng vào đầu bên trái N gây thương tích.

[3] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng phù hợp với các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ đã có đủ căn cứ xét xử bị cáo Dor Tung D đúng như tội danh và điều luật mà Viện

kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đã truy tố. Đối với tội danh “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối chiếu khoản 3 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (*khung hình phạt từ 05 năm đến 15 năm*) với khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm*). Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo biết rõ tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, vì tính hung hăng, thiếu kiềm chế nên đã cố ý gây thương tích cho K’Rơ Glay N tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 37%. Hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang và bất bình lên án. Do vậy, việc xét xử đối với bị cáo phải thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân: Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự của Phòng PV27 Công an tỉnh Lâm Đồng và lý lịch bị cáo thể hiện: Dor Tung D không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Dor Tung D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Dor Tung D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cùng gia đình tự nguyện sửa chữa, bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cũng đủ tác dụng đối với bị cáo, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa hôm nay, anh K’Rơ Glay N yêu cầu bồi thường số tiền 37.937.000 đồng. Trong đó: chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 14.137.000 đồng (có hóa đơn); tiền thu nhập thực tế bị mất, giảm sút 60 ngày x 200.000 đồng = 12.000.000 đồng; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị 09 ngày x 200.000 đồng = 1.800.000 đồng; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần mà bị hại gánh chịu là 10.000.000 đồng. Ngoài ra, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo đã tác động gia đình nộp thay bị cáo tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2010/07687 ngày 24-7-2018 và giao trực tiếp cho bị hại 5.000.000 đồng để bồi thường cho bị

hại.

Tại phiên tòa bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về số tiền bồi thường nêu trên. Xét các thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, yêu cầu trên của bị hại là có căn cứ, phù hợp với Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và yêu cầu trên cũng được bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng: 01 búa bở củi, lưỡi kim loại màu đen dài 101cm, cán bằng kim loại hình trụ dài 94cm, đường kính 32mm, lưỡi búa rộng 7cm, cao 13cm, dày 4cm; 01 xẻng lưỡi kim loại, kích thước 25cm x 29cm, cán gỗ đặc hình trụ, đường kính 3,5cm, dài 105cm; 01 xà bách cán gỗ hình trụ dài 137cm, đường kính 4cm, lưỡi hình thang, đáy lớn 22cm, đáy nhỏ 16cm, cạnh bên 10cm và 17cm là công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21-5-2018).

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo đang sống cùng gia đình vợ (chủ hộ bà Ka D), gia đình bà Ka D được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo năm 2018, xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Buộc bị cáo Dor Tung D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dor Tung D phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; khoản 3 Điều 7; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Dor Tung D 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06 tháng 3 năm 2018.

2. Về bồi thường:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Buộc bị cáo Dor Tung D có nghĩa vụ bồi thường cho anh K’Rơ Glay N số tiền 32.937.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của Dor Tung D đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2010/07687 ngày 24-7-2018 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 búa bổ củi, lưỡi kim loại màu đen dài 101cm, cán bằng kim loại hình trụ dài 94cm, đường kính 32mm, lưỡi búa rộng 7cm, cao 13cm, dày 4cm; 01 xẻng lưỡi kim loại, kích thước 25cm x 29cm, cán gỗ đặc hình trụ, đường kính 3,5cm, dài 105cm; 01 xà bách cán gỗ hình trụ dài 137cm, đường kính 4cm, lưỡi hình thang, đáy lớn 22cm, đáy nhỏ 16cm, cạnh bên 10cm và 17cm (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21-5-2018).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử

phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

